

CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2010 - 2013

*ThS. Phạm Hùng Sơn**

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc, tiếp giáp với các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ và Vĩnh Phúc. Diện tích tự nhiên 5.870,38 km² gồm 6 huyện, 1 thành phố; trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp 82.652,56 ha, chiếm 14,09%, diện tích đất lâm nghiệp 447.119,16 ha chiếm 76,2%. Năm 2013 là năm thứ ba Tuyên Quang thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 với phương châm "*Ổn định hài hoà, tập trung đột phá, khai thác tiềm năng, hội nhập phát triển*". Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: Ổn định kinh tế vĩ mô bước đầu thể hiện được vai trò quan trọng trong điều hành nền kinh tế thị trường, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá và tương đối toàn diện, chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; công tác xoá đói giảm nghèo đạt được những chuyển biến rất tích cực, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm, thu nhập bình quân đầu người liên tục tăng; chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh không ngừng được cải thiện từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với thị trường lao động, giải quyết việc làm. Tuy nhiên, đến nay kinh tế Tuyên Quang về cơ bản vẫn kém phát triển, chất lượng tăng

trưởng kinh tế của tỉnh đang còn nhiều vấn đề bất cập, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

Bài viết này phản ánh thực trạng chất lượng tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010 - 2013 qua các khía cạnh về mặt kinh tế, xã hội, và môi trường nhằm phát hiện những tiến bộ ban đầu, chỉ ra các hạn chế và nguyên nhân chủ yếu, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Chất lượng tăng trưởng về kinh tế

Chất lượng tăng trưởng về kinh tế của Tuyên Quang được thể hiện qua một số chỉ tiêu như: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố (GRDP); Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; Trị giá hàng hoá xuất, nhập khẩu; Vốn đầu tư và Hiệu quả sử dụng Vốn đầu tư (ICOR); Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp và tỷ phần đóng góp của tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và Ngân sách Nhà nước...

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố (GRDP): Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2011-2013 là 9,83%, đây là giai đoạn có tốc độ tăng trưởng bình quân cao hơn so với cả nước (5,60%).

* Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang

Tuy nhiên xét theo khu vực kinh tế thì tính ổn định của tốc độ tăng trưởng của Tuyên Quang còn nhiều bất cập so với cả nước (khu

vực I là - 3,35%, 3,10%; khu vực II là 22,92%, 6%; khu vực III là 13,27%, 6,40%).

Bảng 1: GRDP theo giá so sánh 2010 tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2013

Năm	Tổng		Phân theo khu vực kinh tế					
	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)	Khu vực I (Nông lâm nghiệp và thủy sản)		Khu vực II (Công nghiệp và xây dựng)		Khu vực III (Dịch vụ)	
			Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)
2010	10.224	5,58	4.201	17,69	2.477	- 11,67	3.546	- 12,25
2011	11.214	9,68	3.737	- 11,07	3.240	28,81	4.237	19,54
2012	12.259	9,32	3.654	- 2,21	4.112	46,27	4.493	6,03
2013	13.547	10,51	3.793	3,80	4.600	13,95	5.154	14,70
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2013 (%)								
Tuyên Quang	-	9,83	-	- 3,35	-	22,92	-	13,27
Cả nước	-	5,60	-	3,10	-	6,00	-	6,40

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tuyên Quang, Niên giám thống kê năm 2013

Xét theo mức độ đóng góp của từng khu vực đối với tốc độ tăng chung của GRDP cho thấy: Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp vào tốc độ tăng bình quân năm của GRDP năm 2012 ở vị trí thứ nhất (83,48%) nhưng đến năm 2013 chỉ đứng ở vị trí thứ hai (37,87%); khu vực dịch vụ năm 2011 (69,83%) có mức độ đóng góp cao nhất trong các năm nhưng cũng chỉ đứng vị trí thứ hai và năm 2013 (51,28%) có mức đóng góp thấp hơn nhưng lại đứng ở vị trí thứ nhất; còn khu vực nông lâm và thủy sản mức độ đóng góp luôn có sự biến động không ổn định, đây là khu vực còn nhiều sự hạn chế đòi hỏi phải có những giải pháp tích cực để đem lại hiệu quả. So với cả nước năm 2013, mức độ đóng góp của các khu vực kinh tế của Tuyên Quang đã

hình thành theo chiều hướng tích cực, từng bước phù hợp với xu thế phát triển chung của cả nước.

Năm 2013, cơ cấu GRDP của Tuyên Quang đã thể hiện rõ xu thế dịch chuyển theo hướng tích cực (công nghiệp, dịch vụ); tuy nhiên có thể thấy với thế mạnh của tỉnh là một tỉnh miền núi, diện tích đất lâm nghiệp lớn (chiếm trên 70%), độ che phủ rừng cao (trên 60%)... nhưng cơ cấu kinh tế khu vực I mới chỉ đóng góp trên 31% trong tổng cơ cấu GRDP, nó thể hiện nền kinh tế có sự phát triển chưa tương xứng, chưa phát huy được hết hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. So với cả nước thì cơ cấu kinh tế Tuyên Quang còn cần rất nhiều giải pháp và nguồn lực đầu tư để từng bước phát triển theo xu thế chung.

Năng suất lao động xã hội

Bảng 2: Năng suất lao động xã hội giai đoạn 2010-2013

Đơn vị: triệu đồng/người

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Bình quân giai đoạn 2011-2013
Tuyên Quang	22,21	27,45	31,41	34,29	15,57
Cả nước	44,00	55,20	63,10	68,70	16,01

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2013 của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tuyên Quang

Giai đoạn 2010 - 2013, năng suất lao động xã hội năm sau luôn tăng cao hơn so với năm trước, năm 2010 là 22,21 triệu đồng đến năm 2013 là 34,29 triệu đồng (tăng 1,54 lần). Tốc độ tăng năng suất xã hội qua các năm đều tăng, bình quân giai đoạn 2011 - 2013 tăng 15,57%.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR): Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tỉnh Tuyên Quang bình quân thời kỳ 2011 - 2013 là 5,28, hiện đang ở mức cao nhưng vẫn thấp hơn so với bình quân cả nước là 5,45; tuy nhiên đây là con số tương đối phù hợp với điều kiện cụ thể của một tỉnh miền núi; các khoản mục đầu tư dài hạn như: đường giao thông, công trình hạ tầng văn hoá, giáo dục, y tế... chủ yếu mang tính chất nâng cao đời sống dân trí cho người dân và hiện nay chưa mang lại hiệu quả rõ rệt trong thời gian ngắn.

Chất lượng tăng trưởng về xã hội

Chất lượng tăng trưởng về mặt xã hội của Tuyên Quang được thể hiện qua một số chỉ tiêu như: GRDP bình quân đầu người; Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI); Chỉ số phát triển con người (HDI); Việc làm và tỷ lệ thất nghiệp; Đào tạo, Y tế và Mức sống dân cư.

GRDP bình quân đầu người: Giai đoạn 2011 - 2013, GRDP bình quân đầu người của Tuyên Quang có tốc độ tăng trưởng đều và ổn định, là nhân tố giúp cho GRDP bình quân đầu người tăng. Chỉ tiêu này tăng lên đòi hỏi sản xuất phải tăng nhanh hơn tốc độ tăng dân số. Muốn vậy, một mặt phải phấn đấu tăng nhanh và đều đặn về mặt sản xuất, nhưng đồng thời phải thực hiện tốt chính sách kế hoạch hoá gia đình để bảo đảm dân số tăng chậm và ổn định. Đảm bảo đồng thời hai yêu cầu trên chính là nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và đó cũng chính là tăng trưởng tốt.

Mức sống dân cư: Thu nhập bình quân đầu người ở tỉnh Tuyên Quang có tăng trong giai đoạn 2011 - 2013, tuy nhiên chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm thu nhập lại có xu hướng tăng lên ngày càng cao hơn qua các năm, nhất là thu nhập giữa nhóm 5 (cao nhất) và nhóm 1 (thấp nhất), từ 6,54 lần năm 2010 lên 7,18 lần năm 2013; giữa nông thôn và thành thị cũng có sự chênh lệch đáng kể, điều này cho thấy quá trình phân phối thu nhập giữa các nhóm chưa hiệu quả (xem Bảng 3).

Bảng 3: Thu nhập bình quân đầu người một tháng ở Tuyên Quang

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Chỉ số	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng bình quân 2010-2013 (%)
	Tổng số	886,00	1.038,00	1.162,40	1.290,10	13,34
1	Phân theo thành thị, nông thôn					
	Thành thị	1.639,00	1.966,00	2.208,80	2.473,90	14,71
	Nông thôn	768,00	872,00	986,10	1.094,60	12,54
2	Phân theo nhóm thu nhập					
	Nhóm 1	292,00	333,00	371,50	408,70	11,86
	Nhóm 2	478,00	455,00	590,10	678,60	12,39
	Nhóm 3	728,00	835,00	926,00	1.074,20	13,85
	Nhóm 4	1.025,00	1.219,00	1.375,30	1.540,30	14,54
	Nhóm 5	1.909,00	2.225,00	2.552,90	2.935,80	15,43
3	Chênh lệch về thu nhập (lần)					
	Nhóm 5 và nhóm 1	6,54	6,68	6,87	7,18	
	Thành thị và nông thôn	2,13	2,25	2,24	2,26	

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2013, Cục Thống kê Tuyên Quang

Dựa vào Bảng trên, ta tính được Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI) cũng tăng lên từ 0,341 năm 2010 lên 0,353 năm 2012, nhưng vẫn thấp hơn so với trung bình cả nước (năm 2012 là 0,424).

Chỉ số phát triển con người

Bảng 4: Chỉ số HDI giai đoạn 2010 - 2013 Tuyên Quang

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tuổi thọ (tuổi)	74,6	74,6	74,7	74,7
2	Tỷ lệ biết chữ của người lớn (%)	90,7	89,2	91,2	91,8
	Tỷ lệ đi học kết hợp (%)	68,7	70,4	68,8	68,4
3	GDP đầu người (USD)	717,7	824,7	854,6	1.091,7
	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,663	0,669	0,674	0,689

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2013 và tính toán của tác giả

Trong những năm qua, chỉ số phát triển con người HDI của Tuyên Quang có tăng nhưng biến động giữa các chỉ số tuổi thọ, giáo dục và thu nhập chưa đều. Trong ba chỉ số thành phần, GDP bình quân đầu người có mức tăng cao đã thể hiện rõ xu hướng phát triển tốt về mặt kinh tế và xã hội.

Về giáo dục và đào tạo: Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển về quy mô, chất lượng. Tỉnh Tuyên Quang đã hoàn thành chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, duy trì tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và tỷ lệ học sinh lớp 5 vào lớp 6 là 100%; số trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ 34 trường năm học 2010-2011 lên 39 trường năm học 2013-2014.

Về y tế và chăm sóc sức khỏe: Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng của dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cải thiện các điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống góp phần hạ thấp tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây. Một số chỉ tiêu tăng đều qua các năm: Số giường bệnh/1 vạn dân tăng từ 20,3 giường năm 2011 lên 20,76 giường năm 2013; số bác sỹ/1 vạn dân từ 6,8 bác sỹ lên 7 bác sỹ; tỷ lệ xã có bác sỹ từ 63% lên 73%; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ từ 60,28% lên 71,63%; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế từ 11% lên 30%...

Chất lượng tăng trưởng về môi trường

Đi đôi với tăng trưởng về kinh tế, ô nhiễm môi trường của Tuyên Quang đang dần diễn biến theo xu hướng phức tạp hơn theo vị trí địa lý, theo quy mô, loại hình và lĩnh vực hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và dịch vụ. Đó là, những vấn đề ô nhiễm công nghiệp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nằm cả ở trong các khu công nghiệp hay nằm xen kẽ trong khu dân cư. Đánh giá thiệt hại môi

trường rất cần thiết, là cơ sở góp phần giải quyết các xung đột môi trường. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay ở Việt Nam cũng như tỉnh miền núi Tuyên Quang khó có thể xác định được đầy đủ tất cả những thiệt hại kinh tế bằng tiền bởi những thiếu sót hiện nay về kỹ thuật đánh giá và lượng giá cũng như đội ngũ chuyên gia chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đòi hỏi.

Tác động của môi trường đối với tăng trưởng kinh tế có thể hiểu một cách tổng quát là những tác động do sự suy giảm chất lượng môi trường gây ra đối với các cơ hội tăng trưởng kinh tế (hoặc thu nhập) của xã hội, bao gồm thiệt hại về sức khoẻ cộng đồng và thiệt hại về kinh tế.

Hàng năm, ngân sách Tuyên Quang chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường ngày càng tăng, từ 21 tỷ đồng năm 2010 lên 51 tỷ đồng năm 2013; bên cạnh đó còn luôn có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao như: Tăng cường quản lý, sử dụng tài nguyên và chủ động bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2015; quản lý khai thác chặt chẽ tài nguyên; các chương trình, dự án thực hiện đảm bảo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; thành lập Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh; triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện có hiệu quả các định hướng ưu tiên về tài nguyên môi trường của chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, nên đã đạt được những kết quả nhất định như: Tỷ lệ che phủ rừng từ 64% năm 2011, tăng lên 65% năm 2013; bảo

vệ rừng tự nhiên từ 267.254 ha lên 267.645 ha; bảo vệ rừng trồng từ 130.115 lên 140.906 ha; tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh từ 60% lên 68%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn từ 85% lên 86%; tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng từ 85,7% lên 100%; ... một số chỉ tiêu về môi trường hàng năm vẫn đảm bảo đạt tỷ lệ cao như: Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch 98%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 80%; tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị 90%...

Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh hiện nay công tác quản lý địa bàn ở một số địa phương vẫn còn để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản, khoáng sản trái phép; nạn đốt rừng làm nông nghiệp, phá rừng đầu nguồn và rừng phòng hộ vẫn chưa xử lý triệt để... hiện tượng sạt lở đất, xói lở, xảy ra ở một số nơi, gây nên những thiệt hại về kinh tế, phá huỷ cảnh quan môi trường và đe dọa ảnh hưởng đến tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân.

Kết luận và kiến nghị

Qua việc đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Tuyên Quang qua các khía cạnh về kinh tế, xã hội, môi trường, có thể thấy kinh tế tỉnh Tuyên Quang trong những năm qua tăng trưởng khá và tương đối toàn diện, hài hoà với phát triển văn hoá xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa ổn định và bền vững, quy mô nhỏ; một số sản phẩm công nghiệp, nông lâm nghiệp tăng trưởng thấp...; sản xuất hàng hóa phát triển chưa mạnh, sức cạnh tranh thấp, chưa có thương hiệu. Công tác thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao.

Tiến độ triển khai một số dự án và giải ngân vốn xây dựng cơ bản, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Để có thể tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng nền kinh tế trong giai đoạn 2016 - 2020 cần:

Thứ nhất, chú trọng đến hiệu quả của việc đầu tư, trong đó cần quan tâm đến đầu tư thuộc lĩnh vực của Nhà nước, không nên quá phụ thuộc vào việc tăng vốn đầu tư; mà cần chủ động triển khai những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn như: Thực hiện việc đào tạo nâng cao tay nghề người lao động cũng như trình độ, năng lực của cán bộ quản lý để tạo ra năng suất lao động cao hơn, khuyến khích việc cải tiến qui trình sản xuất, giảm chi phí trung gian và các tiến bộ khoa học công nghệ để ngày một nâng cao năng suất lao động, tăng đóng góp của TFP vào tăng trưởng. Bên cạnh đó cần nắm bắt nhu cầu thị trường để kịp thời thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng và năng suất cao hơn, tạo lợi thế cạnh tranh tốt hơn cho các sản phẩm.

Thứ hai, có nhận thức đúng đắn hơn về mục tiêu chuyển dịch kinh tế của các cấp, từ tỉnh đến các huyện: Có thể là toàn tỉnh cần có chuyển dịch nhanh hơn về cơ cấu ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, nhưng với từng địa phương thì cần có bước đi khác nhau. Những địa phương có điều kiện phát triển nhanh các ngành công nghiệp, dịch vụ thì tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ phải tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn, nhưng với các địa phương có thể mạnh riêng có về nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc thủy sản, trong khi điều kiện phát

triển công nghiệp lại khó khăn thì không nhất thiết phải giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản và tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ để từng bước làm tăng hiệu quả kinh tế và đảm bảo chất lượng tăng trưởng chung của tỉnh một cách bền vững.

Thứ ba, xem xét điều chỉnh lại cơ cấu trong nội bộ một số ngành kinh tế như: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phải quy hoạch và ưu tiên đầu tư cho những loại cây, con có thể mạnh vượt trội và đặc biệt là phải tăng nhanh hơn tỷ trọng của ngành dịch vụ của khu vực này; ngành công nghiệp phải từng bước giảm tỷ trọng của một số ngành có hàm lượng công nghệ thấp, tăng nhanh các ngành có hàm lượng công nghệ cao, tiêu tốn ít nguyên liệu và sử dụng công nghệ tiên tiến.

Thứ tư, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế, khắc phục những bất cập về cơ cấu của các thành phần kinh tế; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế chung

toàn tỉnh; đồng thời, cần tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với mỗi thành phần kinh tế, loại hình sở hữu, để các thành phần kinh tế phát triển theo đúng mục tiêu đề ra.

Thứ năm, chú trọng đầu tư cho y tế, giáo dục bằng cách huy động từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời tăng cường công tác quản lý đối với chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục bằng các biện pháp cụ thể.

Thứ sáu, tăng cường công tác đào tạo nghề cho người lao động để họ có cơ hội tìm kiếm được việc làm và thực hiện quyết liệt hơn các giải pháp nhằm tăng thêm việc làm, cải thiện đời sống dân cư, nhất là lao động khu vực nông thôn.

Thứ bảy, rà soát và bắt buộc các doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ cam kết về bảo vệ môi trường. Tích cực triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ tài nguyên, khoáng sản và tiếp tục thực hiện phong trào trồng cây, gây rừng, bảo vệ môi trường sống.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Tuệ Anh, Lê Xuân Bá, Chất lượng tăng trưởng kinh tế: Một số đánh giá ban đầu cho Việt Nam, năm 2005;
2. Cục Thống kê Tuyên Quang, Niên giám thống kê qua các năm;
3. Cục Thống kê Tuyên Quang, Báo cáo về GRDP từ năm 2010 đến năm 2013;
4. Nguyễn Văn Nam, Trần Thọ Đạt, Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2006;
5. Dương Mạnh Hùng, Bùi Bá Cường, Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê Phân tích hiện trạng tăng trưởng kinh tế Việt Nam, năm 2012;
6. Tổng cục Thống kê, Báo cáo đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam so với các nước trong khu vực năm 2014.